

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 104/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc: “yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 104/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Tiến V, sinh ngày 10/8/1994;

Địa chỉ: Xóm 22, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc H – Chủ tịch UBND xã Y.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Văn C - Phó chủ tịch UBND xã Đ(văn bản uỷ quyền ngày 14/5/2021).

- Chị Vũ Thị Y, sinh ngày 03/01/1999

Nơi ĐKKHKT: Xóm 22, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên họp: Vắng mặt anh V, chị Y, ông Cơ (anh V, chị Y, ông C đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Theo đơn yêu cầu, bản tự khai tại các buổi làm việc tại Tòa án, người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Nguyễn Tiến V trình bày:

Ngày 03/11/2015 anh và chị Vũ Thị Y có ra trụ sở UBND xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định để đăng ký kết hôn, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng không bị ai ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn khi đó chị Vũ Thị Y đã kê khai là Vũ Thị Y, sinh ngày 03/01/1997 để đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng trên thực tế chị Vũ Thị Y sinh ngày 03/01/1999. Sau đó được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào sổ số 63 quyển số 01/2015 ngày 03/11/2015. Sau khi kết hôn anh và chị Y chung sống hạnh phúc được một thời gian thì gần đây giữa anh và chị Y phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Hiện nay giữa anh và chị Y đang sống ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm, chị Y đã chủ động về nhà bố mẹ đẻ ở xã Yên Phúc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định sinh sống. Thời điểm đăng ký kết hôn chị Y mới được hơn 16 tuổi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Anh vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu được ly hôn với chị Vũ Thị Y.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Y có hai con chung là Nguyễn Tiến L, sinh ngày 06/05/2016 và Nguyễn Tiến B, sinh ngày 01/7/2018. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và để cháu B cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ việc dân sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

2.1. Chị Vũ Thị Y trình bày:

Ngày 03/11/2015 chị và anh Nguyễn Tiến V có ra trụ sở UBND xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định để đăng ký kết hôn, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng không bị ai ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn khi đó chị đã kê khai là Vũ Thị Y, sinh ngày 03/01/1997 để đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng trên thực tế chị sinh ngày 03/01/1999. Sau đó được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào sổ số 63 quyển số 01/2015 ngày 03/11/2015. Sau khi kết hôn chị và anh V chung sống hạnh phúc được một thời gian thì gần đây giữa chị và anh V phát sinh

mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Hiện nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn A, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định sinh sống, chị và anh V hiện đang sống ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm. Thời điểm đăng ký kết hôn chị mới được hơn 16 tuổi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh V. Do giữa chị và anh V không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến V.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến V có hai con chung là Nguyễn Tiến L, sinh ngày 06/05/2016 và Nguyễn Tiến B, sinh ngày 01/7/2018. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và để cháu L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định - người đại diện theo uỷ quyền ông Bùi Văn C - Phó chủ tịch UBND xã Đtrình bày:

Căn cứ vào Sổ đăng ký kết hôn tại quyển số 01 số thứ tự số 63 năm 2015 thể hiện: Ngày 03/11/2015 Ủy ban nhân dân xã Đ có đăng ký kết hôn cho công dân Nguyễn Tiến V, sinh ngày 10/8/1994 địa chỉ xóm 22, xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định và công dân Vũ Thị Y, sinh ngày 03/01/1997 địa chỉ: thôn A, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Khi đăng ký kết hôn chị Vũ Thị Y cung cấp cho UBND xã Đ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 62 ngày 31/10/2015 do UBND xã Y cấp xác nhận nội dung chị Vũ Thị Y, sinh ngày 03/01/1997 và tình trạng kết hôn là chưa đăng ký kết hôn với ai do đó UBND xã Đ căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân này đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 03/11/2015 cho anh V và chị Y. Do sơ xuất không kiểm tra các giấy tờ của công dân như giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân của chị Vũ Thị Y nên UBND xã Đ đã không biết thực tế chị Vũ Thị Y, sinh ngày 03/01/1999. Theo Giấy khai sinh và Căn cước công dân thì chị Vũ Thị Y sinh ngày 03/01/1999 và đây là ngày sinh đúng của chị Y. Do vậy, Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 03/11/2015 của UBND xã Đ cấp không đúng vì tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Vũ Thị Y mới được hơn 16 tuổi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Quá trình chung sống kể từ khi đăng ký kết hôn đến nay anh V, chị Y sinh được 02 người con gồm: Nguyễn Tiên L, sinh ngày 06/5/2016 và Nguyễn Tiên B, sinh ngày 01/7/2018, cả hai con của anh V, chị Y đều đăng ký khai sinh tại UBND xã Đ. Về việc mâu thuẫn giữa anh V, chị Y như thế nào thì địa phương không nắm rõ do địa phương không nhận được bất kỳ đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn giữa anh V, chị Y. Vấn đề tài sản, công nợ giữa anh V, chị Y cụ thể như thế nào thì địa phương cũng không được nắm rõ.

Hiện nay anh Nguyễn Tiên V đang có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vũ Thị Y. Quan điểm của UBND xã Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xem xét giải quyết theo nguyện vọng của anh V, chị Y và giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Anh Nguyễn Tiên V, chị Vũ Thị Y và ông Bùi Văn C đều xin giải quyết vắng mặt. Thẩm phán công bố đơn của anh V, chị Y và ông C đề nghị giải quyết vắng mặt.

Phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 367, 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc cho đến tại phiên họp đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 3, Điều 8, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 369, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Tiên V. Cho anh Nguyễn Tiên V và chị Vũ Thị Y được ly hôn. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh V, chị Y về con chung. Giao con chung là Nguyễn Tiên L,

sinh ngày 06/5/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Tiến B, sinh ngày 01/7/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về lệ phí: Đương sự phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là việc dân sự “Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật” do anh Nguyễn Tiến V là người yêu cầu. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Y có nơi cư trú tại thôn A, xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 22, xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định) và cơ quan đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết việc dân sự anh Nguyễn Tiến V, chị Vũ Y và ông Bùi Văn C có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại các Điều 367, 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu ly hôn:

Anh Nguyễn Tiến V và chị Vũ Thị Y kết hôn vào ngày 03/11/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào những chứng cứ thu thập được như Giấy khai sinh, giấy Căn cước công dân của chị Vũ Thị Y thấy rằng, chị Vũ Thị Y sinh ngày 03/01/1999. Đến ngày 03/11/2015 chị Vũ Thị Y đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tiến V thì chị Y mới được 16 tuổi 11 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 thì chị Y chưa đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên do sơ xuất UBND xã Đ thời điểm đó đã không

kiểm tra, xác minh kỹ, chỉ căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 62/UBND-XN ngày 31/10/2015 của UBND xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định để đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Tiến V và chị Vũ Thị Y là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy cần hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Tiến V và chị Vũ Thị Y theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 03/11/2015 của UBND xã Đ. Mặt khác, quá trình từ khi anh V, chị Y đăng ký kết hôn anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì gần đây hai bên có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Hiện nay anh, chị đang sống ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm. Anh V có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y. Về phía chị Y, chị cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng, hiện nay chị đã chủ động về nhà bố mẹ để sinh sống, chị cũng nhất trí ly hôn với anh V và có đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì “Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp này, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con từ thời điểm kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến trước thời điểm đủ điều kiện kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Căn cứ vào các quy định trên thì cần chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Tiến V do tại thời điểm ngày 03/11/2015 anh Nguyễn Tiến V và chị Vũ Thị Y kết hôn khi chị Vũ Thị Y chưa đủ tuổi kết hôn. Mặc dù đến thời điểm hiện nay chị Vũ Thị Y đã đủ tuổi kết hôn nhưng vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cả anh V và chị Y

đều có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tiến V, cho anh Nguyễn Tiến V được ly hôn với chị Vũ Thị Y.

Về con chung: Anh V và chị Y xác định anh, chị có hai con chung là Nguyễn Tiến L, sinh ngày 06/05/2016 và Nguyễn Tiến B, sinh ngày 01/7/2018. Anh, chị thống nhất giao cháu L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh V và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí: Anh V phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 3; điểm a, khoản 1 Điều 8; Điều 11; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Tiến V. Cho anh Nguyễn Tiến V được ly hôn với chị Vũ Thị Y.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tiến L, sinh ngày 05/6/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Tiến B, sinh ngày

01/7/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến V và chị Vũ Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Tiến V phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001763, ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, Anh V đã nộp đủ lệ phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Nguyễn Tiến V, chị Vũ Thị Y, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định được quyền kháng cáo Quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Đ: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Vũ Văn Anh